

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày 27-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Định.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định; Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/TLST-HS ngày 06-5-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Kim O, sinh năm 1973 tại Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số nhà 12, ngõ 173, phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Khắc T (Đã chết); con bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1954, trú tại: Khu tập thể điện phường N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; có chồng là Trần Văn T, sinh năm 1968 (Đã ly hôn năm 2004); có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30-7-1999 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù về tội ‘Trộm cắp tài sản của công dân’; Ngày 26-8-2010 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 1 năm tù về tội ‘Trộm cắp tài sản’; Ngày 30-11-2015 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xử phạt 1 năm 3 tháng tù về tội ‘Trộm cắp tài sản’.

Bị cáo đang thực hiện biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09 ngày 22-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang “Vắng mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn C, sinh năm 1990; “Vắng mặt”.
2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; “Vắng mặt”.
3. Chị Nông Thị T, sinh năm 1995; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, biết vào ngày 08-01 hàng năm ở xã K, huyện V, tỉnh Nam Định thường diễn ra lễ hội P, có đông khách thập phương đến, có điều kiện thuận lợi để trộm cắp tài sản, Trần Thị Kim O nảy sinh ý định đến hội Phủ Dầy để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Thực hiện ý định trên, khoảng 8h30 phút ngày 08-02-2022 (tức ngày 08-01-2022), Trần Thị Kim O bắt xe ôm từ nhà đi vào khu vực P, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Khoảng 9h45 phút cùng ngày O xuống xe đi bộ đến khu vực sân gần cổng bên xe Phủ T, xã K, thuộc địa phận xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Tại đây O nhìn thấy chị Nguyễn Thị T là khách đi lễ phủ, đang mua lễ tại 1 quán bán hàng, trên tay phải của chị T có đeo 01 túi xách bằng da màu đen trắng nhưng không kéo khóa miệng túi, trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu Gold của chị T mới mua tại cửa hàng điện thoại ở tỉnh Bắc Giang với giá 3.800.000đ. O liền áp sát phía bên tay phải của chị T, sau đó dùng tay phải nhẹ nhàng rút chiếc điện thoại ra khỏi túi xách của chị T, rồi cầm chiếc điện thoại và đi bộ về hướng Quốc lộ 37B để tìm nơi cất giấu. Đi được khoảng 1km, thấy có 01 cây đa bên tay trái (hướng Ngã tư đ về thị trấn G, huyện V), thuộc địa phận xóm 3, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định, thấy có thể cất giấu tài sản đã trộm cắp được, O liền đi tới giấu chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào phía sau gốc cây đa, rồi O dùng cỏ, lá cây che đậy lên chiếc điện thoại. Sau đó, O tiếp tục quay lại khu vực cổng chính phủ T, với mục đích trộm cắp tài sản khác của khách đi lễ. Tại đây O đã bị chị T phát hiện giữ lại và đưa O lên cơ quan Công an để trình báo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Trần Thị Kim O đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên, đồng thời chỉ vị trí cất giấu chiếc điện thoại đã trộm cắp được, cơ quan Công an đã lập biên bản ghi nhận và thu giữ chiếc điện thoại trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/ KL-HĐ ngày 11-02-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V đã kết luận trị giá chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu Gold là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Trần Thị Kim O đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu Gold cho chị Nguyễn Thị T. Chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị can O phải bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSVB ngày 04-5-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Trần Thị Kim O về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo O khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo trình bày do hoàn cảnh của gia đình bị cáo quá khó khăn, vợ chồng bị cáo ly hôn, hiện bị cáo đang nuôi mẹ già, bị cáo rất ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim O phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng;

Giao bị cáo Trần Thị Kim O cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Người bị hại và những người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa, tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan

điều tra, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án như: Biên bản xác định hiện trường; sơ đồ xác định hiện trường; biên bản truy tìm vật chứng; các bản ảnh; Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự; Lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng tại cơ quan điều tra; các biên bản điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 09h45 phút ngày 08-02-2022, tại khu vực Phủ T, thuộc địa phận xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định; Trần Thị Kim O đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu Gold có trị giá 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị T với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lợi dụng việc chị T mua hàng, điện thoại của chị T để trong túi xách nhưng không kéo khóa miệng túi, O đã áp sát phía bên tay phải của chị T, dùng tay phải rút chiếc điện thoại ra khỏi túi xách, rồi mang đi giấu ở sau gốc cây đa, dùng cỏ, lá cây đậy lên chiếc điện thoại. Sau đó, O tiếp tục quay lại khu vực cổng chính phủ T, với mục đích trộm cắp tài sản khác của khách đi lễ thì bị chị T phát hiện giữ lại và đưa O lên cơ quan Công an trình báo.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo và hậu quả xảy ra với những quy định của pháp luật hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh chính trị tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy cần xử lý nghiêm trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về nhân thân: Ngày 30-7-1999 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Ngày 26-8-2010 Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 30-11-2015 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xử phạt 1 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có như thế mới thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại và không yêu cầu bồi thường gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Kim O cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Kim O phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh NĐ.
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 06; PC 10 CA tỉnh NĐ;
- UBND phường M, TP Nam Định.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm